

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ**

Biểu mẫu số 48
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày
23/3/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND xã	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	55.444	227.518	172.074	410%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.102	1.530	428	139%
-	Thu NSDP hưởng 100%	854	1.152	299	135%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	248	378	130	152%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	53.940	215.389	161.449	399%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.279	25.279	0	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	28.661	190.110	161.449	663%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		0	0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		10.392	10.392	
VI	Thu huy động đóng góp	402	207	-195	52%
B	TỔNG CHI NSDP	55.444	227.518	172.074	410%
I	Tổng chi cân đối NSDP	26.381	172.163	145.782	653%
1	Chi đầu tư phát triển	0	4.961	4.961	
2	Chi thường xuyên	25.701	167.202	141.502	651%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	527		-527	0%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	153		-153	0%
II	Chi các chương trình mục tiêu	28.661	24.793	-3.868	87%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.902	23.210	21.308	1220%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	26.759	1.583	-25.176	6%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		29.914	29.914	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		647	647	
V	Chi từ nguồn thu đóng góp	402			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ**

Biểu mẫu số 50
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày
23/3/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	2.082	1.504	27.615	12.129	1.326	807
A	TỔNG THU CÁN ĐỐI NSNN	2.082	1.504	17.224	1.737	827	116
I	Thu nội địa	1.681	1.102	17.017	1.530	1.013	139
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	2	-		
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	2	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	121	-		
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	11	-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			110	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	517	155	4.831	239	934	154
	- Thuế giá trị gia tăng	517	155	4.657	239	901	154
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	141	-		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	30	-		
	- Thuế tài nguyên	-	-	2	-		
5	Thuế thu nhập cá nhân	310	93	827	139	267	150
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
7	Lệ phí trước bạ	-	-	3.658	-		
8	Phí, lệ phí	206	206	270	171	131	83
-	Phí và lệ phí trung ương	-		65	-		
-	Phí và lệ phí tỉnh	-	-	91	77		
-	Phí và lệ phí xã	-	-	114	93		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	77	77	52	52	67	67
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-	0	-		
12	Thu tiền sử dụng đất	-	-	6.166	-		
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-		
16	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước						
17	Thu khác ngân sách	210	210	847	686	403	327
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	361	361	243	243	68	68
II	Thu về dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ			-	-		
V	Thu huy động, đóng góp	402	402	207	207	52	52
B	Thu từ quỹ dự trữ tài chính						
C	THU CHUYÊN NGUỒN	-	-	10.392	10.392		
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	-	-	-	-		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ**

Biểu mẫu số 51
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày
23/3/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
*	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	55.444	227.518	410%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26.381	172.163	653%
I	Chi đầu tư phát triển	-	4.961	
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	4.961	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		-	
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
II	Chi thường xuyên	25.701	167.202	651%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	200	75.641	37820%
2	Chi khoa học và công nghệ		-	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	527		0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	153	-	0%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	28.661	24.793	87%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.902	23.210	1220%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025		138	
	Chi thường xuyên		138	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1.902	23.072	
	Chi đầu tư		11.770	
	Chi thường xuyên		11.302	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	26.759	1.583	6%
1	Các chương trình mục tiêu, dự án khác (10959)		1.543	
	Chi đầu tư			
	Chi thường xuyên		1.543	
2	Kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông - 00972		40	
	Chi thường xuyên		40	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	29.914	
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	647	
E	CHI TỪ NGUỒN THU ĐÓNG GÓP	402	-	0%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ**

Biểu mẫu số 52
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	55.444	227.518	172.074	410%
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI		0	0	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	55.042	196.956	141.914	358%
I	Chi đầu tư phát triển	10.583	16.731	6.148	158%
1	Chi đầu tư cho các dự án	10.583	16.731	6.148	158%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		0	0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		0	0	
-	Chi y tế, dân số và gia đình		54	54	
-	Chi văn hóa thông tin		984	984	
-	Chi thể dục thể thao		138	138	
-	Chi các hoạt động kinh tế		12.768	12.768	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.539	1.539	
-	Chi bảo đảm xã hội		111	111	
II	Chi thường xuyên	43.778	180.225	136.447	412%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	200	75.689	75.489	37844%
-	Chi khoa học và công nghệ		0	0	
-	Chi quốc phòng	288	892	604	310%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.682	1.815	133	108%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	243	639	396	263%
-	Chi văn hóa thông tin	670	2.948	2.278	440%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	391	416	26	107%
-	Chi thể dục thể thao	320	281	-39	88%
-	Chi bảo vệ môi trường	199	1.220	1.021	613%
-	Chi các hoạt động kinh tế	7.012	15.284	8.272	218%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.048	52.916	23.868	182%
-	Chi bảo đảm xã hội	3.560	28.092	24.532	789%
-	Chi thường xuyên khác	166	34	-132	20%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
V	Dự phòng ngân sách	527		-527	0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	153		-153	0%
C	CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP	402			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		29.914	29.914	
E	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		647	647	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ

Biểu mẫu số 54
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được giao						Quyết toán										So sánh (%)					
		Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG, CTMT			Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG, CTMT			Chi nộp trả NS cấp trên	phân tích nộp trả đơn vị		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG		
					Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX		Nộp trả năm trước	nộp trả năm nay					Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX
A	B	7	8	9	10	11	12	13=14+15 +16	14	15	16 =17+18	17	18	19			20	21=13 /(1+7)	22=14/(2+8)	23=15/ (3+9)	24	25	26
	TỔNG SỐ	224.693	13.743	179.353	31.597	15.736	15.861	196.956	4.961	167.202	24.793	11.770	13.023	7.915	647	7.268	29.914	88	36	93	78	75	82
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	224.693	13.743	179.353	31.597	15.736	15.861	196.956	4.961	167.202	24.793	11.770	13.023	7.613	345	7.268	18.533	88	36	93	78	75	82
1	Văn phòng HĐND-UBND xã Tây Hồ (bao gồm BCHQS xã)	9.525		8.818	707		707	8.742		8.271	471		471	136		136	417	92	-	94	67	-	67
2	Phòng Kinh tế xã Tây Hồ	61.183	8.226	28.859	24.097	13.741	10.356	52.774	4.961	28.071	19.742	10.023	9.719	1.901	345	1.555	5.743	86	60	97	82	73	94
3	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tây Hồ	45.677		42.896	2.781		2.781	39.097		37.374	1.724		1.724	5.291		5.291	875	86	-	87	62	-	62
4	Trung tâm Hành chính công xã Tây Hồ	850		850	-		-	835		835	-		-	0		0	15	98	-	98	-	-	-
5	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tây Hồ	17.912	5.517	8.598	3.797	1.995	1.802	9.036		6.246	2.790	1.747	1.043	172		172	8.698	50	-	73	73	88	58
6	Văn phòng Đảng ủy xã Tây Hồ	6.688		6.688	-			5.795		5.795	-			56		56	779	87	-	87	-	-	-
7	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tây Hồ	5.792		5.617	175		175	5.524		5.498	27		27				150	95	-	98	15	-	15
8	MG Tây Hồ	3.898		3.898	-			3.598		3.598	-		-	2		2	298	92	-	92	-	-	-
9	MG Anh Thơ	3.613		3.613	-		-	3.536		3.536	-		-	2		2	74	98	-	98	-	-	-
10	MG Tuổi Thơ	4.039		4.039	-		-	4.036		4.036	-		-	2		2		100	-	100	-	-	-
11	MG Hoà Mi	3.933		3.933	-			3.875		3.875	-			6		6	53	99	-	99	-	-	-
12	TH Phan Đình Phùng	8.262		8.262	-		-	7.963		7.963	-		-	11		11	288	96	-	96	-	-	-
13	TH Nguyễn Huệ	6.572		6.572	-			6.570		6.570	-			2		2		100	-	100	-	-	-
14	TH Nguyễn Trãi	8.208		8.208	-			8.193		8.193	-			16		16		100	-	100	-	-	-
15	TH Lê Lợi	7.944		7.944	-			7.493		7.493	-			2		2	449	94	-	94	-	-	-
16	THCS Lương Thế Vinh	7.447		7.437	10		10	7.442		7.432	10		10	5		5		100	-	100	100	-	100
17	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8.035		8.025	10		10	8.029		8.019	10		10	6		6		100	-	100	100	-	100
18	THCS Tam Lộc	7.287		7.277	10		10	6.907		6.897	10		10	2		2	378	95	-	95	100	-	100
19	THCS Phan Châu Trinh	7.693		7.683	10		10	7.377		7.367	10		10	2		2	314	96	-	96	100	-	100
20	Công an xã Tây Hồ	134		134	-			134		134	-							100	-	100	-	-	-
21		-			-			-			-							-	-	-	-	-	-
22		-			-			-			-							-	-	-	-	-	-
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH																-	-	-	-	-	-	-
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG																-	-	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán được giao						Quyết toán										So sánh (%)					
		Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG, CTMT			Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG, CTMT			Chi nộp trả NS cấp trên	phân tích nộp trả đơn vị		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi ĐT PT (không kể CT MTQG)	Chi TX (không kể CT MTQG)	Chi chương trình MTQG		
					Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX		Nộp trả năm trước	nộp trả năm nay					Tổng số	Chi ĐT PT	Chi TX
A	B	7	8	9	10	11	12	13=14+15 +16	14	15	16 =17+18	17	18	19			20	21=13 /(1+7)	22=14/(2+8)	23=15/ (3+9)	24	25	26
IV	CHI BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)																						
V	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN													302	302								
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU																11.382	-	-	-	-	-	-

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tây Hồ)

TT	Nội dung (1)	Dự toán năm trước chuyển sang							Dự toán được giao trong năm							Đơn vị tính: Triệu đồng Quyết toán							So sánh (%)		
		Chương trình mục tiêu quốc gia							Chương trình mục tiêu quốc gia							Chương trình mục tiêu quốc gia							Tổng số	Trong đó	
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
			Tổng số	Chia ra	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số		Chia ra	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Chia ra		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ	5.243	2.636	2.636	0	2.608	2.608	0	24.552	13.103	13.103	0	11.449	11.449	0	23.210	11.770	11.770	0	11.440	11.440	0	78	75	81
I	Cấp xã	5.243	2.636	2.636	0	2.608	2.608	0	24.552	13.103	13.103	0	11.449	11.449	0	23.210	11.770	11.770	0	11.440	11.440	0	78	75	81
1	Văn phòng HĐND-UBND xã Tây Hồ (bao gồm BCHPQ xã)	211	-	-		211	211		496	-			496	496		471	-			471	471		67	-	67
2	Phòng Kinh tế xã Tây Hồ	3.806	2.636	2.636		1.170	1.170		20.293	11.107	11.107		9.186	9.186		19.742	10.023	10.023		9.719	9.719		82	73	94
3	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tây Hồ	-	-			-			1.016	-			1.016	1.016		181	-			181	181		18	-	18
4	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tây Hồ	1.226	-			1.226	1.226		2.571	1.995	1.995		576	576		2.790	1.747	1.747		1.043	1.043		73	88	58
5	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tây Hồ	-	-			-			175	-			175	175		27	-			27	27		15	-	15